

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 120/2020/DS-PT

Ngày 08 - 5 - 2020

V/v tranh chấp quyền sử dụng
đất và bồi thường thiệt hại do
tài sản bị xâm phạm

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Ông Bùi Thế Xương

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Triệu Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 54/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 02 năm 2020 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 86/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 53/2020/QĐPT-DS ngày 21 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị S, sinh năm 1978;

Địa chỉ: số 367, ấp L, xã P, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1968; Ông Tô Văn T, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ: số 367C, ấp L, xã P, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Đinh Văn N, sinh năm 1977;
Địa chỉ: số 505/68, ấp Q, xã T, huyện L, tỉnh Bến Tre (Văn bản ủy quyền ngày 19/02/2019).

Bà S, ông N có mặt.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thị S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị S trình bày:

Ba của bà tên Lê Văn D có đứng tên thửa đất số 370 và ông có cho vợ chồng bà L, ông T cất nhà ở nhờ trên phần đất này. Vào năm 2017, ông D làm thủ tục tặng cho 04 người con gồm Lê Thị K, Lê Thị S, Lê Thị L và Lê Thị H phần đất này. Khi làm thủ tục tặng cho có tiến hành đo đạc, cắm ranh dưới sự chứng kiến của tất cả mọi người. Lúc đo đạc xác định được bức tường do bà L xây trước đó nằm trên phần đất của bà. Ngày 28/7/2017, bà và bà L cùng được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, ông D và bà có yêu cầu bà L, ông T đập bức tường cho bà xây nhà ở nhưng bà L, ông T không đồng ý nên khi bà xây nhà bà phải xây lùi ra phía sau. Hiện nay, bà L đã xây lại căn nhà khác trên phần đất được ông D tặng cho. Lúc xây tường rào đã không xây đúng ranh theo vị trí đo đạc năm 2017.

Theo đơn khởi kiện bà yêu cầu bà L, ông T phải đập bỏ bức tường cũ có trước năm 2017, trả lại cho bà diện tích 40m² thuộc thửa 901. Tại phiên tòa, bà rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần diện tích đất 16,1m², đề nghị được sử dụng đất đúng theo ranh của hồ sơ địa chính giữa hai bên được đo đạc vào năm 2017, cụ thể là bà yêu cầu bà L ông T phải có trách nhiệm trả lại cho bà tổng cộng 23,9m² theo “Hồ sơ đo đạc theo yêu cầu của Tòa án” thuộc các thửa 901b diện tích 1,6m², thửa 901c diện tích 3,3m² và thửa 901a diện tích 19m², cùng tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại ấp L, xã P do bà đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 858602 cấp ngày 28/7/2017. Ngoài ra bà yêu cầu bà L, ông T phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà số tiền tổng cộng là 6.800.000 đồng, bao gồm các khoản tiền sau:

Lúc bơm cát vào nền nhà của bà, ông T nói với người bơm cát sẽ đập bể ống nếu để tràn nước qua đất ông; bà phải bỏ ra 3.500.000 đồng mua mũ và 500.000 đồng tiền công thuê người tấn mũ chống tràn mới tiến hành bơm cát được.

Khi nhà đã xây xong, thợ hồ đề nghị bà mua vật liệu để tô dùm bà bức tường nhà phía giáp ranh với bà L nhưng ông T không cho thợ bắt giàn giáo trên đất ông bà nên không tô tường được. Khi bà kêu thợ khác đến tô thì thợ báo giá là 1.500.000 đồng, bà yêu cầu bà L, ông T phải trả cho bà chi phí này.

Bà L kéo nước sạch trước bà nên đã có sẵn đường ống đến sân nhà bà L. Bà kéo sau nên bà yêu cầu được kéo tiếp theo đường ống có sẵn của bà L vì như vậy đoạn ống cần lắp sẽ ngắn hơn, tốn ít chi phí nhưng bà L, ông T không đồng ý. Bà phải mua ống nhựa tự kéo nước sạch về nhà bà, chi phí mua ống nhựa là 1.300.000 đồng.

Bà thống nhất với kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đồng thời đề nghị giải quyết chi phí thu thập chứng cứ theo luật định.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đinh Văn N trình bày:

Bà L, ông T là vợ chồng hợp pháp có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định và thửa đất số 900 là tài sản chung của vợ chồng. Trước năm 2017 bị đơn có xây nhà ở nhờ trên phần đất của ông D. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 28/7/2017 thì bị đơn đã xây lại căn nhà khác ở vị trí đất được ông D tặng cho và có tiến hành xây tường rào phân giáp ranh với bà S. Trước khi xây rào bị đơn có nhờ cán bộ đo đạc phục hồi 02 điểm ranh phía Đông và phía Tây nhưng chỉ xây kiên cố đoạn phía Tây dài 15,74m, phần còn lại chỉ kéo lưới. Bị đơn thừa nhận ranh đất giữa hai bên đúng theo hồ sơ địa chính được đo đạc năm 2017. Vì quá trình xây dựng không được thẳng hàng nên có lấn sang phần đất thuộc quyền sử dụng của bà S, bị đơn đồng ý trả lại cho bà S thửa 901b và thửa 901c, phần tường rào được xây kiên cố bị đơn tự nguyện đập bỏ và phần kéo lưới bị đơn tự nguyện tháo dỡ để trả đất lại cho bà S sử dụng theo đúng hồ sơ địa chính mà không yêu cầu bà S hỗ trợ chi phí.

Bức tường xây cũ hiện tại nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Bà S và do Bà S quản lý, sử dụng. Bà L, ông T khẳng định không sử dụng bức tường cũng như phần đất giữa bức tường cũ và hàng rào được xây sau này. Bị đơn đồng ý tự nguyện đập bỏ bức tường cũ nằm trên đất Bà S và không yêu cầu Bà S hỗ trợ chi phí nào nhưng Bà S không cho tiến hành, bà đề nghị chờ Tòa án giải quyết. Đối với yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại, bị đơn không đồng ý với các lý do: Bà S xây nhà và kéo nước sạch để phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của bà thì phải tự chịu những chi phí cần thiết cho việc bơm cát, tô tường nhà cũng như chi phí dẫn nước sạch.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân thành phố T đưa vụ án ra xét xử.

Tại bản án sơ thẩm số 86/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố T quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 175, 176, 584, 585, 589 Bộ Luật dân sự 2015; Điều 166, 203 Luật đất đai 2013; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S đối với phần diện tích đất 16,1m².

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S: buộc bà Lê Thị L, ông Tô Văn T có trách nhiệm giao trả cho bà Lê Thị S phần đất diện tích 1,6m² thuộc thửa 901b và phần đất diện tích 3,3m² thuộc thửa 901c, cùng tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại xã P, thành phố T, tỉnh Bến Tre do bà Lê Thị S đứng tên Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 858602 cấp ngày 28/7/2017.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S về việc buộc bà Lê Thị L, ông Tô Văn T có trách nhiệm giao trả cho bà Lê Thị S phần đất diện tích 19m² thuộc thửa 901a, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại xã P, thành phố T, tỉnh Bến Tre do bà Lê Thị S đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 858602 cấp ngày 28/7/2017. (Có họa đồ kèm theo)

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S về việc buộc bà Lê Thị L, ông Tô Văn T có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm với tổng số tiền 6.800.000 (sáu triệu tám trăm ngàn) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/12/2019, nguyên đơn bà Lê Thị S kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, với 02 nội dung: cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà buộc bà L, ông T giao trả phần đất diện tích 19m² thuộc thửa 901a, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại xã P, thành phố T do bà đứng tên; cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà về việc buộc bà L, ông T bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm với số tiền là 6.800.000đ. Lý do: Thửa 901a đã có bức tường hiện hữu của bà L khi xây nhà, bà đã nhiều lần yêu cầu đập tường trả nhưng bà L không thực hiện làm bà không xây được nhà. Số tiền bà yêu cầu bà L, ông T bồi thường thiệt hại là tổng chi phí thiệt hại do hành vi cản trở trái pháp luật của bà L, ông T gây ra cho bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, các bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không chấp nhận nội dung bà L, ông T tự nguyện đập bỏ phần bức tường xây kiên cố, tự tháo dỡ đoạn rào lưới trên thửa 901b và 901c; tự nguyện đập bỏ bức tường cũ trên thửa 901a là thiếu sót. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại, thấy rằng các khoản thiệt hại Bà S kê ra là các chi phí phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của bản thân Bà S; bà L, ông T không có lỗi gây ra thiệt hại cho Bà S, nên kháng cáo phần này của Bà S là không có cơ sở nên không chấp nhận.

Do đó, kháng cáo của bà Lê Thị S là có cơ sở một phần nên được chấp nhận một phần. Tuy nhiên, trong phần nhận định của bản án đã có thể hiện nội dung tự

nguyên này của bị đơn, nên không cần thiết phải sửa án sơ thẩm mà chỉ cần điều chỉnh bổ sung cho đầy đủ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của TAND thành phố T (có điều chỉnh bổ sung nội dung như đã nêu trên).

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả các bên đương sự tranh tụng. Xét kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phần đất tranh chấp có diện tích 23,9m² thuộc các thửa 901a, 901b, 901c, cùng tờ bản đồ số 4, tọa lạc ấp L, xã P, thành phố T, nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 858602 cấp ngày 28/7/2017 do bà Lê Thị S đứng tên. Trên phần đất này không có hoa màu; có công trình kiến trúc do bà L, ông T xây dựng gồm: bức tường cũ xây trước khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện không còn giá trị sử dụng, hàng rào xây năm 2018, trụ bê tông cốt thép tường gạch cao 02 mét, dài 15,74m (giá trị theo định giá là 11.049.000 đồng).

[2] Đối với thửa đất tranh chấp số 901b và 901c:

Thửa 901b có diện tích 1,6m² và thửa 901c có diện tích 3,3m², trên đất có tường rào gạch xây năm 2018 dài 15,74 m và đoạn còn lại được rào bằng lưới.

Do các bên thừa nhận ranh theo hồ sơ địa chính là ranh đúng của hai bên và sau khi đối chiếu với kết quả đo đạc, xác định được thửa 901b và 901c nằm hoàn toàn trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Bà S đứng tên, nhưng thực tế bà L, ông T là người trực tiếp quản lý sử dụng phần đất này, nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà S buộc bà L, ông T phải có trách nhiệm giao trả lại cho Bà S phần đất có diện tích 1,6m² thuộc thửa 901b và phần đất diện tích 3,3m² thuộc thửa 901c, cùng tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã P, thành phố T là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về công trình kiến trúc trên thửa 901b, 901c: Tòa sơ thẩm ghi nhận bà L, ông T tự nguyện đập bỏ bức tường được xây kiên cố, tự tháo dỡ đoạn rào lưới khi bản án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu Bà S hỗ trợ chi phí và không tuyên trong phần quyết định của bản án là chưa phù hợp. Vì việc bà L, ông T xây tường kiên cố và rào lưới trên đất của Bà S là đã vi phạm quyền của người sử dụng đất theo quy định pháp luật đất đai, nên cần buộc bà L, ông T phải đập bỏ bức tường xây kiên cố và tháo dỡ đoạn rào lưới trên phần đất này mới đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Bà S.

[3] Đối với thửa đất tranh chấp số 901a:

Thửa 901a là phần nằm giữa bức tường cũ và bức tường mới có diện tích 19m², trên đất có bức tường cũ do bị đơn xây dựng trước khi nguyên đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện bức tường không còn giá trị sử dụng. Theo hồ sơ đo đạc và theo sự thừa nhận của các bên thì thửa đất này hoàn toàn thuộc quyền sử dụng của Bà S.

Bà S cho rằng bà không quản lý, sử dụng được phần diện tích này là do bà L, ông T không đập bỏ bức tường cũ. Bà L, ông T khẳng định chỉ quản lý, sử dụng phần đất từ hàng rào mới xây sau trở về đất của ông bà, hoàn toàn không quản lý, sử dụng phần đất ngoài tường rào mà Bà S có tranh chấp nên không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu của Bà S.

Xét thấy, thửa 901a vẫn do Bà S đứng tên, tại phiên tòa, Bà S cũng thừa nhận, từ sau khi xây dựng bức tường mới thì bị đơn không quản lý sử dụng phần đất này, do đó yêu cầu khởi kiện của Bà S yêu cầu bà L, ông T giao trả lại phần đất có diện tích 19m² thuộc thửa 901a, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại xã P, thành phố T không được cấp sơ thẩm chấp nhận, Bà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 475.000 đồng là có căn cứ.

Về công trình kiến trúc trên thửa 901a: Tòa sơ thẩm ghi nhận việc bà L, ông T tự nguyện đập bỏ bức tường cũ khi bản án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu Bà S hỗ trợ chi phí là chưa phù hợp, chưa tuyên trong phần quyết định của bản án buộc bà L, ông T phải đập bỏ bức tường cũ trên thửa 901a là thiếu sót nên cần bổ sung cho phù hợp.

[4] Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn:

Bà S yêu cầu bà L, ông T phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại tổng cộng là 6.800.000 đồng, bao gồm các chi phí liên quan đến việc kéo ống dẫn nước, bơm cát và tô tường nhà của Bà S.

Xét thấy, mục đích của việc thực hiện những hạng mục này nhằm phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của cá nhân Bà S, vì vậy Tòa sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của Bà S, Bà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu này là 340.000 đồng là có cơ sở.

[5] Từ những nhận định trên, xét kháng cáo của Bà S là không có cơ sở nên không chấp nhận. Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng: Bà Lê Thị L, ông Tô Văn T phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị S số tiền 1.525.000 (Một triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn) đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị L, ông Tô Văn T phải có trách nhiệm liên đới chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

Bà Lê Thị S phải chịu 815.000 (tám trăm mười lăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 570.000 (Năm trăm bảy mươi ngàn) đồng theo biên lai số 0000970 ngày 25/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Bà Lê Thị S còn phải nộp thêm 245.000 (Hai trăm bốn mươi lăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lê Thị S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008460 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị S.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 86/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 175, 176, 584, 585, 589 Bộ Luật dân sự 2015; Điều 105, 166, 203 Luật đất đai 2013; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S đối với phần diện tích đất 16,1m².

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S: buộc bà Lê Thị L, ông Tô Văn T giao trả cho bà Lê Thị S phần đất diện tích 1,6m² thuộc thửa 901b và phần đất diện tích 3,3m² thuộc thửa 901c, cùng tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã P, thành phố T, tỉnh Bến Tre do bà Lê Thị S đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 858602 cấp ngày 28/7/2017.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S về việc buộc bà Lê Thị L, ông Tô Văn T giao trả cho bà Lê Thị S phần đất diện tích 19m² thuộc thửa 901a, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã P, thành phố T, tỉnh Bến Tre do bà Lê Thị S đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 858602 cấp ngày 28/7/2017.

(Có họa đồ kèm theo)

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S về việc buộc bà Lê Thị L, ông Tô Văn T bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm số tiền 6.800.000 (Sáu triệu tám trăm ngàn) đồng.

5. Buộc bà Lê Thị L, ông Tô Văn T phải đập bỏ bức tường được xây kiên cố, tháo dỡ đoạn rào lưới trên thửa 901b, 901c, đập bỏ bức tường cũ trên thửa 901a, cùng tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã P, thành phố T do bà Lê Thị S đứng tên sử dụng.

6. Về chi phí tố tụng: Bà Lê Thị L, ông Tô Văn T phải liên đới trả cho bà Lê Thị S số tiền 1.525.000 (Một triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn) đồng.

7. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị L, ông Tô Văn T có trách nhiệm liên đới chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

Bà Lê Thị S phải chịu 815.000 (Tám trăm mười lăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 570.000 (Năm trăm bảy mươi ngàn) đồng theo biên lai số 0000970 ngày 25/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Bà Lê Thị S còn phải nộp thêm 245.000 (Hai trăm bốn mươi lăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

8. Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lê Thị S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008460 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Hồ Thị Thanh Thúy

